TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NT **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 365/2022/QĐST-HNGĐ	*NT, ngày 06 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 222/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị Mỹ D** – sinh năm 1992
Địa chỉ: Số 27 Dương Quảng H, phường P, thành phố NT, tỉnh K.
Bị đơn: Ông **Huỳnh Tuấn N**– sinh năm 1995
HKTT: Tổ 6 Ngọc H, phường Ngọc H, thành phố NT, tỉnh K.
Địa chỉ tạm trú: Tổ 2 Phú T, xã V, thành phố NT, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà **Hoàng Thị Mỹ D** và ông **Huỳnh Tuấn N**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao 01 *(một)* con chung là ***Huỳnh Ngọc Hoài A***– Sinh ngày 17/6/2018 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là

2.500.000đ/tháng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, kể từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Bà D và ông N, mỗi người phải nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông N phải nộp thêm 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng bà D tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí cho ông N. Như vậy, bà D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001150 ngày 18/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Ông N đã nộp đủ án phí.

*** *Qui định:*** *"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015";*

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. NT (2 bản);
- Chi cục THA dân sự Tp. NT;
- UBND xã V, Tp. NT
(Số 90, ngày 08/12/2017);
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Dũng